

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Áp dụng từ 15/10/2022)

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ TIỀN MẶT

Nhóm dịch vụ	Mục phí	Mức phí áp dụng cho KHCCN thông thường (chưa bao gồm VAT)	Mức phí dành cho KHCC (chưa gồm VAT)	Đối tượng không chịu thuế GTGT (X)
Dịch vụ thu chi hộ tiền mặt	Thu/chi hộ tiền mặt tại trụ sở ngân hàng	VND: 0,08%/ Số tiền thu/chi hộ Tối thiểu 50.000 VND Ngoại tệ: 0,1%/ST thu/chi hộ Tối thiểu 2 USD	VND: 0,08%/ Số tiền thu/chi hộ Tối thiểu 50.000 VND Ngoại tệ: 0,1%/ST thu/chi hộ Tối thiểu 2 USD	
	Thu/Chi hộ tiền mặt ngoài trụ sở ngân hàng bán kính ≤10 km	0,1%/số tiền + chi phí phát sinh Tối thiểu 800.000VND/ 20 USD chuyển	0,1%/số tiền + chi phí phát sinh Tối thiểu 800.000VND/ 20 USD chuyển	
	Thu/Chi hộ tiền mặt ngoài trụ sở ngân hàng bán kính >10 km	Thu theo thỏa thuận Tối thiểu 1.000.000 VND/50 USD + 70.000VND/5 USD mỗi 2 km tăng thêm	Thu theo thỏa thuận Tối thiểu 1.000.000 VND/50 USD + 70.000VND/5 USD mỗi 2 km tăng thêm	
Dịch vụ kiểm đếm	Kiểm đếm tiền mệnh giá nhỏ	VND: Mệnh giá từ 20.000đ trở xuống, từ 1.000 tờ trở lên, Mức phí: 20.000đ/bó, tối đa 1trđ. -Ngoại tệ lẻ (mệnh giá dưới 50 USD/EUR/GBP): mức phí 2%/ST kiểm đếm, tối thiểu 2 USD	VND: Mệnh giá từ 20.000đ trở xuống, từ 1.000 tờ trở lên, Mức phí: 20.000đ/bó, tối đa 1trđ. -Ngoại tệ lẻ (mệnh giá dưới 50 USD/EUR/GBP): mức phí 2%/ST kiểm đếm, tối thiểu 2 USD	
Dịch vụ giữ hộ tiền	- Giữ hộ tiền qua đêm (có kiểm đếm)	0,05%/ST giữ hộ/đêm + phí kiểm đếm (thỏa thuận nếu có) Tối thiểu 150.000 VND/ 10 USD	0,05%/ST giữ hộ/đêm + phí kiểm đếm (thỏa thuận nếu có) Tối thiểu 150.000 VND/ 10 USD	
	- Giữ tiền mặt qua đêm theo túi niêm phong (không kiểm đếm)	0,02%%/ST kê khai/đêm Tối thiểu 100.000 VND/10 USD	0,02%%/ST kê khai/đêm Tối thiểu 100.000 VND/10 USD	

Nhóm dịch vụ	Mục phí	Mức phí áp dụng cho KHCN thông thường (chưa bao gồm VAT)	Mức phí dành cho KHCC (chưa gồm VAT)	Đối tượng không chịu thuế GTGT (X)
Dịch vụ giữ hộ/bảo quản tài sản	Bảo quản tài sản quý hiếm	0,05%/giá trị tài sản/tháng + phí kiểm định tài sản (nếu có) Tối thiểu 100.000 VND/tháng/lần. Đối với vàng: từ 1.000-2.000VND/chỉ/tháng. Tối thiểu 30.000VND/tháng	0,05%/giá trị tài sản/tháng + phí kiểm định tài sản (nếu có) Tối thiểu 100.000 VND/tháng/lần. Đối với vàng: từ 1.000-2.000VND/chỉ/tháng. Tối thiểu 30.000VND/tháng	
	Cất giữ hộ giấy tờ có giá: chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, sổ tiết kiệm, trái phiếu, tín phiếu...	0,03%/mệnh giá/tháng Tối thiểu 50.000 VND/ 3 USD/tờ/tháng/lần	0,03%/mệnh giá/tháng Tối thiểu 50.000 VND/ 3 USD/tờ/tháng/lần	
	Cất giữ hộ giấy tờ có giá, tài liệu quan trọng khác.	Theo thỏa thuận. Tối thiểu 50.000VND//3 USD/bộ/tháng/lần	Theo thỏa thuận. Tối thiểu 50.000VND//3 USD/bộ/tháng/lần	
	Phí kiểm tra tài sản của dịch vụ bảo quản tài sản quý, giấy tờ có giá và tài liệu quan trọng (nếu quá số lần được phép kiểm tra miễn phí)	Theo thỏa thuận Tối thiểu 30.000 VND/lần	Theo thỏa thuận Tối thiểu 30.000 VND/lần	
	Giữ hộ hồ sơ tài sản bảo đảm khi khoản vay đã tắt toán (theo đề nghị của khách hàng)	20.000 VND/hồ sơ/tháng	20.000 VND/hồ sơ/tháng	
	Quản lý tài sản đảm bảo (bao gồm mượn tài sản đảm bảo, thay đổi tài sản đảm bảo, phối hợp công chứng/chứng thực tài sản đảm bảo)	-Mượn tài sản đảm bảo, thay đổi tài sản đảm bảo, phối hợp công chứng/chứng thực tài sản đảm bảo: Theo thỏa thuận với KH, tối thiểu 200.000 VND. -Xác nhận hồ sơ gốc TSĐB: 100.000VND/1 bản, các bản tiếp theo 10.000VND/1 bản.	-Mượn tài sản đảm bảo, thay đổi tài sản đảm bảo, phối hợp công chứng/chứng thực tài sản đảm bảo: Theo thỏa thuận với KH, tối thiểu 200.000 VND. -Xác nhận hồ sơ gốc hoặc sao chụp TSĐB: 100.000VND/1 bản, các bản tiếp theo 10.000VND/1 bản.	
Dịch vụ kết sắt	Cho thuê kết loại nhỏ	Theo thỏa thuận Tối thiểu 150.000 VND/kết/tháng	-KHCC hạng Premier, Premier Elite: Theo thỏa thuận, tối thiểu 150.000VND/kết/tháng.	

Nhóm dịch vụ	Mục phí	Mức phí áp dụng cho KHCN thông thường (chưa bao gồm VAT)	Mức phí dành cho KHCC (chưa gồm VAT)	Đối tượng không chịu thuế GTGT (X)
			-KHCC hạng Private: Miễn phí	
	Cho thuê kết loại trung	Theo thỏa thuận Tối thiểu 200.000 VND/kết/tháng	-KHCC hạng Premier, Premier Elite: Theo thỏa thuận, tối thiểu 200.000VND/kết/tháng -KHCC hạng Private: Miễn phí	
	Cho thuê kết loại to	Theo thỏa thuận Tối thiểu 250.000 VND/kết/tháng	-KHCC hạng Premier, Premier Elite: Theo thỏa thuận, tối thiểu 250.000VND/kết/tháng -KHCC hạng Private: Miễn phí	
	Phí chậm trả kết sắt	150% phí trong hạn tính trên số ngày quá hạn của hợp đồng cho thuê kết	150% phí trong hạn tính trên số ngày quá hạn của hợp đồng cho thuê kết	
	Phí thay khóa kết sắt	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận	
	Ủy quyền giao dịch kết	Theo thỏa thuận, tối đa 500.000 VND/kết	Theo thỏa thuận, tối đa 500.000 VND/kết	
Dịch vụ thu đổi	Đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông (không do nguyên nhân phá hoại)	3.64%/Tổng giá trị tiền đổi Tối thiểu 2USD	3.64%/Tổng giá trị tiền đổi Tối thiểu 2USD	
	Đổi tiền mệnh giá nhỏ lấy tiền mệnh giá lớn	VND: 0,5%/số tiền thực đổi Tối thiểu: 50.000VND USD: 3%/số tiền thực đổi Tối thiểu: 3USD	VND: 0,5%/số tiền thực đổi Tối thiểu: 50.000VND USD: 3%/số tiền thực đổi Tối thiểu: 3USD	
	Đổi tiền mệnh giá lớn lấy tiền mệnh giá nhỏ	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận	
	Cấp giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt và đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài	Theo thỏa thuận Tối thiểu 200.000 VND	Theo thỏa thuận Tối thiểu 200.000 VND	
	Đổi 100USD trắng sang 100USD màu	10.000VND/ 1 tờ	10.000VND/ 1 tờ	

Nhóm dịch vụ	Mục phí	Mức phí áp dụng cho KHCN thông thường (chưa bao gồm VAT)	Mức phí dành cho KHCC (chưa gồm VAT)	Đối tượng không chịu thuế GTGT (X)
	Kiểm định tiền thật giả	1% ST kiểm định Tối thiểu 20.000 VND/ 2 USD/món	1% ST kiểm định Tối thiểu 20.000 VND/ 2 USD/món	
	Phí tư vấn và xử lý hồ sơ	Thu theo thỏa thuận với khách hàng, tối đa không quá 2.000.000 VND/100 USD	Thu theo thỏa thuận với khách hàng, tối đa không quá 2.000.000 VND/100 USD	